

Bản án số: **133/2022/HS-ST**

Ngày: 16/8/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đức Giang và bà Hoàng Thị Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đậu Xuân C** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 10/10/1992 tại xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKTT: Xóm 4, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Khố 3, thị trấn D, huyện D, Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đậu Xuân N, sinh năm 1960 và bà Trần Thị T, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/4/2022 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn 3, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2018 đến ngày 14/01/2019, Đậu Xuân C đã sử dụng tiền của mình cho nhiều người khác vay với lãi suất từ 3000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, cụ thể như sau:

1. Giao dịch với anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979, trú tại xóm H, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An:

Lần 1: Ngày 31/8/2018, Đậu Xuân C cho anh T vay số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) với lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm trong vòng 122 ngày. Đến ngày 30/12/2018, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 3.904.000 đồng (ba triệu chín trăm không bốn nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS không vượt quá 20%/ 01 năm (tương đương 1,666666%/ 1tháng, tương đương 0,0548%/1ngày là: $(0,0548\% \times 8.000.000 \text{ đồng} \times 122 \text{ ngày}) = 534.848 \text{ đồng}$ (năm trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $3.904.000 \text{ đồng} - 534.848 \text{ đồng} = 3.369.152 \text{ đồng}$ (ba triệu ba trăm sáu chín nghìn một trăm năm mươi hai đồng).

Lần 2: Ngày 23/10/2018, Đậu Xuân C cho anh T vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) với lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm trong vòng 69 ngày. Đến ngày 30/12/2018, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 1.380.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay này là: $(0,0548\% \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 69 \text{ ngày}) = 189.060 \text{ đồng}$ (một trăm tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi đồng). Số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $1.380.000 \text{ đồng} - 189.060 \text{ đồng} = 1.190.940 \text{ đồng}$ (một triệu một trăm chín mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Đậu Xuân C cho anh T vay trong 02(Hai) lần giao dịch là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), thu tiền lãi số tiền 5.284.000 đồng (năm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng); trong đó số tiền thu lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 723.908 đồng (bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm không tám đồng) và số tiền thu lợi bất chính trong hai lần giao dịch là 4.560.090 đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm chín mươi đồng). Nguyễn Đức T đã trả hết tiền gốc cho C.

2. *Giao dịch với anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1990, trú tại Thôn 3, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An:*

Lần 1: Ngày 10/10/2018, Đậu Xuân C cho anh Nguyễn Anh H vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) với lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm trong vòng 34 ngày. Đến ngày 12/11/2018, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay nêu trên là: $(0,0548\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ ngày}) = 372.640 \text{ đồng}$ (ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $3.400.000 \text{ đồng} - 372.640 \text{ đồng} = 3.027.360 \text{ đồng}$ (ba triệu không trăm hai bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Lần 2: Ngày 24/10/2018, Đậu Xuân C cho anh Nguyễn Anh H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm trong vòng 41 ngày. Đến ngày 03/12/2018, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay này là: $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 41 \text{ ngày}) = 224.680 \text{ đồng}$ (hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $2.050.000 \text{ đồng} - 224.680 \text{ đồng} = 1.825.320 \text{ đồng}$ (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Đậu Xuân C cho anh H vay trong 02(Hai) lần giao dịch là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thu tiền lãi số tiền 5.450.000 đồng

(năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền thu lợi hợp pháp là 597.320 đồng (năm trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng) và số tiền thu lợi bất chính trong hai lần giao dịch với anh H là 4.852.680 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Anh Nguyễn Anh H đã trả hết tiền gốc cho Công.

3. *Giao dịch với chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1981, trú tại xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An:*

Ngày 17/10/2018, Đậu Xuân C cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm trong vòng 204 ngày. Đến ngày 08/5/2019, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay này là: $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 204 \text{ ngày}) = 1.117.920 \text{ đồng}$ (một triệu một trăm mười bảy nghìn chín trăm hai mươi đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $10.200.000 \text{ đồng} - 1.117.920 \text{ đồng} = 9.082.080 \text{ đồng}$ (chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng). Chị Nguyễn Thị N đã trả hết tiền gốc cho C

4. *Giao dịch với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982, trú tại xóm T, xã N, huyện D, tỉnh Nghệ An:*

Lần 1: Ngày 23/10/2018, Đậu Xuân C cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm trong vòng 285 ngày. Đến ngày 03/8/2019, Đậu Xuân C đã thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 14.250.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay này là: $(0,0548\% \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 285 \text{ ngày}) = 1.561.800 \text{ đồng}$ (Một triệu năm trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $14.250.000 \text{ đồng} - 1.561.800 \text{ đồng} = 12.688.200 \text{ đồng}$ (mười hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Lần 2: Ngày 14/01/2019, Đậu Xuân C cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) với lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm trong vòng 182 ngày. Đến ngày 14/7/2019, C thu tiền lãi đối với khoản vay trên là 10.920.000 đồng (mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, do chị T có hoàn cảnh khó khăn nên Đậu Xuân C đã thu 8.920.000 đồng

(tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và cho chị T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi.

Số tiền lãi thu hợp pháp đối với khoản vay này là: $(0,0548\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 182 \text{ ngày}) = 1.994.720 \text{ đồng}$ (một triệu chín trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi đồng). Xác định, số tiền thu lợi bất chính trong khoản vay này là: $8.920.000 \text{ đồng} - 1.994.720 \text{ đồng} = 6.925.280 \text{ đồng}$ (sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Đậu Xuân C cho chị T vay trong 02(Hai) lần giao dịch là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thu tiền lãi 23.170.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó số tiền thu lợi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 3.556.520 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng) và số tiền thu lợi bất chính trong hai lần giao dịch với chị T là 19.613.480 đồng (mười chín triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Chị Nguyễn Thị T đã trả hết tiền gốc cho C.

Tổng cộng từ ngày 31/8/2018 đến ngày 14/01/2019, Đậu Xuân C thông qua 07 (Bảy) giao dịch dân sự với 04(Bốn) cá nhân đã cho vay tổng số tiền là 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng), với mức lãi suất từ 109,5%/ năm đến 182,5%/ năm, thu tổng số tiền lãi là 44.104.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm không bốn nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền 38.108.330 đồng (ba mươi tám triệu một trăm không tám nghìn ba trăm ba mươi đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Đậu Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

**** Việc thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng; đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án:***

- 01 (một) tờ giấy khổ A4, có in các dòng kẻ, các chữ, số và chữ ký của Đậu Xuân C do Công tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã kèm theo hồ sơ vụ án hình sự để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 134/CT-VKS-DC ngày 03/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Đậu Xuân Công về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đậu Xuân C, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 BLHS xử phạt tiền bị cáo Đậu Xuân C từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

* Buộc Đậu Xuân C giao nộp sung Ngân sách Nhà nước những khoản sau:

- Số tiền gốc cho vay (phương tiện phạm tội) là 83.000.000 đồng.
- Số tiền lãi hợp pháp (=20%/năm) phát sinh từ tội phạm là 5.995.670 đồng.

* Số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính) do đậu Xuân C thu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng là 38.108.330 đồng. Tuy nhiên bị cáo C đã trả lại đầy đủ số tiền trên, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Diên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/8/2018 đến ngày 14/01/2019 Đậu Xuân C đã cho 04 cá nhân gồm Nguyễn Đức T, Nguyễn Anh H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 83.000.000 đồng với lãi suất cao gấp 5,47 lần đến 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS nhằm thu lợi bất chính số tiền 38.108.330 đồng. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra Tòa án nhân dân huyện D để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với hành vi của bị cáo Đậu Xuân C là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Bởi vậy, cần phải có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị có không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo sau khi phạm tội đã tự ra đầu thú đồng thời chủ động hoàn trả lại số tiền lãi vượt mức 20% Nhà nước cho phép (thu lợi bất chính) cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ để răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp. Vì vậy, cần xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Toàn bộ số tiền gốc bị cáo Đậu Xuân C cho vay là phương tiện phạm tội, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền 83.000.000 đồng đã cho vay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo đầy đủ. Như vậy, tổng số tiền gốc cần buộc bị cáo Đậu Xuân C nộp lại là 83.000.000 đồng theo quy định tại điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với khoản tiền lãi 5.995.670 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho bị cáo Đậu Xuân C là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 38.108.330 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Tuy nhiên bị cáo Đậu Xuân C đã hoàn trả lại số tiền lãi này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt tiền đối Đậu Xuân C 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu bị cáo Đậu Xuân C 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng) là số tiền gốc của bị cáo cho vay để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền lãi hợp pháp (=20%/năm) phát sinh từ tội phạm là 5.995.670 đồng (Năm triệu chín trăm chín lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) của bị cáo Đậu Xuân C.

Tổng cộng truy thu của bị cáo Đậu Xuân C số tiền 88.995.670 đồng (Tám mươi tám triệu chín trăm chín lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Bị cáo Đậu Xuân C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- VKS huyện D;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An ;
- Công an huyện (NVCS);
- Trại tạm giam tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H.D;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Xuân Hùng

